

Bản án số: 179/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 8 – 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Thắm;

Ông Nguyễn Chí Lin;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 416/2020/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 31/18/4 đường số 1, khu phố 5, phường Tân T, quận BT, Thành phố H.

Bị đơn: Anh La Quốc Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Hựu Th, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thúy D trình bày: Chị và anh La Quốc Đ sống chung với nhau từ năm 2011, đến ngày 29/9/2011 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hựu Th, huyện ĐH, tỉnh LA cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Đ sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng chị luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh Đ không quan tâm lo lắng cho chị, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị và anh Đ cũng đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Đ có 02 con chung tên La Ngọc Lam, sinh ngày 17/7/2012 và La Nhật Huy, sinh ngày 27/4/2014. Hiện tại cháu Huy đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lam đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, vì chị đi làm công nhân và có thu nhập ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000đồng đến 11.000.000đồng.

Về chia tài sản: Chị xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh La Quốc Đ trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng khi sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng ý kiến hay cãi vã, không còn khả năng hàn gắn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận có 02 con chung như chị D đã trình bày. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Lam và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Huy hiện tại do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý giao cháu Huy cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh đi làm công nhân và có thu nhập ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng nên anh đủ điều kiện nuôi cháu Lam.

Về tài sản chung: Anh xác định không có tài sản chung với chị D.

Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ ai.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh La Quốc Đ. Anh Đ hiện đang cư trú tại xã Hựu Th, huyện ĐH, tỉnh LA. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Thúy D:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh Đ tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 223/2011 đăng ký ngày 29/9/2011 do Ủy ban nhân dân xã Hựu Th, huyện ĐH, tỉnh LA cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều

9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị D và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đ và anh Đ cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ là có thật, quá trình hòa giải các bên cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị D và anh Đ là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là La Nhật Huy, sinh ngày 27/4/2014 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Đối với con chung tên là La Ngọc Lam, sinh ngày 17/7/2012 đã đủ 07 tuổi nên Tòa án lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Lam và theo bản tự khai ngày 25/7/2020 của cháu Lam thì cháu Lam có ý kiến nguyện vọng sống chung với chị D, nhưng tại phiên tòa thì cháu Lam có nguyện vọng ở với anh Đ. Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi 02 con chung, đối với anh Đ thì anh Đ xin được nuôi cháu Lam. Cả chị D và anh Đ đều có nguyện vọng muốn nuôi cháu Lam. Xét thấy, cháu Huy đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Lam đang do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang theo học lớp 02 tại Trường tiểu học Võ Văn Ngân. Đồng thời, tại phiên tòa cháu Lam có nguyện vọng sống chung với anh Đ, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục để cho anh Đ được chăm sóc, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lam, nhằm tạo điều kiện ổn định trong cuộc sống, trong việc học tập sau này và đúng với nguyện vọng của con và chị D được tiếp tục chăm sóc, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D và anh Đ không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị D và anh Đ đều xác định không có tài sản chung, Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ: Ghi nhận chị D và anh Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thúy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy D.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị D và anh Đ.

Chị Trần Thị Thúy D được ly hôn với anh La Quốc Đ.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thúy D được quyền nuôi con chung tên La Nhật Huy, sinh ngày 27/4/2014. Anh La Quốc Đ được quyền nuôi con chung tên La Ngọc Lam, sinh ngày 17/7/2012. Chị D và anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thúy D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005226 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày Tòa tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện ĐH;
- Các đương sự;
- UBND xã Hựu Th;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc